

Bản án số: 09/2017/DS-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông **Vũ Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Việt Tú**

2. Ông **Đình Quốc Phong**

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Đỗ Trọng Tú**- Cán bộ Toà án nhân dân huyện C.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2015/TLST-DS ngày 01/10/2015 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX-ST ngày 06/4/2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C - sinh năm 1966; trú tại: Khu 10, Thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

-Bị đơn: Bà Tạ Thị H - sinh năm 1974; trú tại: Khu 03, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị M- sinh năm 1951; trú tại: Khu 10 - Thị trấn S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1955; trú tại: Số nhà 22 -Tổ 01- khu N - Thị trấn P - huyện P- tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Xuân Q - sinh năm 1962; trú tại: Khu 10- Thị trấn S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1964; trú tại: Khu 04 - xã C - Thành phố V - tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Hữu T- sinh ngày 26/02/2000(con chung của ông Nguyễn Hữu Q, bà Tạ Thị H). Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị H - sinh năm 1974; trú tại: Khu 03- xã V - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thùy D - sinh ngày 17/7/2004 (con chung của ông Nguyễn Hữu Q, bà Tạ Thị H). Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị H - sinh năm 1974; trú tại: Khu 03- xã V - huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

7. Chị Hà Thị H - sinh năm 1980; trú tại: Khu 04- xã V - huyện C - tỉnh Phú Thọ.

8. Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thu N; Chức vụ: Chủ tịch UBND xã V. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/7/2015 và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C trình bày: Vợ chồng các cụ Nguyễn Hữu V- sinh năm 1921, Hoàng Thị N- sinh năm 1923 có 06 người con chung, gồm: Nguyễn Hữu Q- sinh năm 1959; trú tại: khu 03- xã V- huyện C, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị M- sinh năm 1951; trú tại: Khu 01- Thị trấn S- huyện C - tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị C - sinh năm 1955; trú tại: Số nhà 22 -Tổ 01- khu N - thị trấn P - huyện P - tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Xuân Q - sinh năm 1962; trú tại: Khu 01- Thị trấn S- huyện C - tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị V- sinh năm 1964; trú tại: Khu 04- xã C - thành phố V - tỉnh Phú Thọ và nguyên đơn là Nguyễn Hữu C.

Các cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N được giao sử dụng hợp pháp 3793m² đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp tại khu 04- xã V - huyện C - tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 431 931 do UBND huyện S (nay là huyện C) cấp ngày 18/11/1999 đứng tên chủ hộ sử dụng là cụ Nguyễn Hữu V.

Ông Nguyễn Hữu Q có vợ là Tạ Thị H- sinh năm 1974 và có 02 con chung là Nguyễn Hữu T - sinh ngày 26/02/2000, Nguyễn Thùy D - sinh ngày 17/7/2004. Vợ chồng ông Q, bà H sống cùng nhà với vợ chồng các cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N tại khu 04- xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ.

Ngày 08/3/2006, cụ Nguyễn Hữu V chết, không để lại di chúc. Ngày 07/3/2008, ông Nguyễn Hữu Q chết.

Ngày 02/9/2014, cụ Hoàng Thị N chết. Trước khi chết, ngày 09/02/2014 (âm lịch), cụ Hoàng Thị N lập di chúc với nội dung giao cho ông Nguyễn Hữu C được thừa kế nhà ở và toàn bộ đất thổ cư, đất nông nghiệp có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 431 931. Do di chúc không hợp pháp (Không được công chứng, chứng thực và không có căn cứ xác định vân tay điểm chỉ trong di chúc có phải của cụ Hoàng Thị N hay không), nên ông Nguyễn Hữu C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2015 và lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Tạ Thị H trình bày: Ngày 16/7/1997, bà H kết hôn với ông Nguyễn Hữu Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H sống chung nhà với các cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N tại khu 04- xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ. Năm 2006, cụ Nguyễn Hữu V chết. Trước khi chết, cụ V đã nói miệng cho con trai trưởng là chồng bà H toàn bộ đất thổ cư và $\frac{1}{2}$ diện tích đất nông nghiệp. Nay ông Nguyễn Hữu C yêu cầu chia thừa kế di sản của các cụ V, N để lại, bà Tạ Thị H cũng đồng ý nhưng yêu cầu được chia phần đất thổ cư có nhà ở của các cụ V, N để làm nơi thờ cúng, vì cháu T con bà H là cháu đích tôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị M, Nguyễn Xuân Q thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu C và giao lại phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Hữu C sở hữu, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Tạ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị H trình bày: Ngày 16/7/2014, chị H nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị N quyền sử dụng 175m² đất nông nghiệp với giá là 48.000.000đồng. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng bằng văn bản, có điểm chỉ của bà N và chứng kiến của Chi hội trưởng phụ nữ khu 04 là bà Nguyễn Thị T và Trưởng khu 04 là bà Phan Thị Đ, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nay có tranh chấp về di sản của các cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N, chị H nhất trí trả lại QSD 175m² đất nông nghiệp đã nhận chuyển nhượng cho những người thừa kế di sản của các cụ V, N và yêu cầu những người thừa kế di sản của các cụ V, N thanh toán lại cho chị H 48.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã V trình bày: Trong diện tích đất nông nghiệp mà các cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N sử dụng có 188,8m² đất do UBND xã V quản lý. Nay có tranh chấp về di sản do các cụ V, N để lại, UBND xã V yêu cầu những người thừa kế di sản của các cụ V, N trả lại diện tích đất đã mượn của UBND xã V.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và xác định:

Về thủ tục tố tụng: Hoạt động tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đối với vụ án thụ lý số 13/2016/TLST-DS ngày 01/10/2015, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Tạ Thị H nhiều lần không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 610; Điều 613; Các khoản 1, 2, 3 Điều 615; Điều 649; Điểm b khoản 1 Điều 650; Khoản 1 Điều 651; Điều 652; Khoản 2 điều 660 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Giao cho ông Nguyễn Hữu C được sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà gỗ năm gian lợp lá cọ, sáu hàng chân, xây bao xung quanh, nền lán xi măng, diện tích 105m² trị giá 30.700.000đ; 68m² sân lán xi măng trị giá 500.000đ; 01 bếp xây lợp ngói, nền lát gạch chỉ, diện tích 25m², trị giá 5.000.000đ; 01 nhà tắm xây đổ mái bê

tông, nền lát gạch men, trên mái có bể nước, diện tích 15m², trị giá 4.000.000đ; 01 hàng rào sắt, kích thước 13, 23m x 0,8m, trị giá 1.600.000đ; 02 trụ cổng xây, kích thước mỗi trụ 0,4m x 0,4m x 2m trị giá 400.000đ; 02 cây dâu da xoan có đường kính gốc 10cm trị giá 242.000đ; 01 cây dâu da đất có đường kính gốc 15cm trị giá 182.000đ; 01 cây xoan đường kính gốc 5cm trị giá 5.000đ; 03 cây xoan có đường kính gốc 20cm trị giá 36.000đ; 02 cây mơ có đường kính gốc 30cm trị giá 24.000đ; 01 cây cọ cao 10m, đường kính 40cm, trị giá 73.000đ; 15 cây cau đã cho thu hoạch trị giá 2.730.000đ; 10 cây diên đã thu hoạch được trị giá 120.000đ; 01 cây hồng xiêm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa đào có đường kính 15cm trị giá 121.000đ; 01 cây bồ quân có đường kính 15cm trị giá 10.000đ; 02 cây mít có đường kính 20cm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa ngâu có đường kính 10cm trị giá 12.000đ; 01 cây kháo có đường kính 20cm, trị giá 12.000đ. Tổng trị giá: 46.253.000đồng.

Giao cho ông Nguyễn Hữu C quản lý, sử dụng:

- 2.083,09m² đất ở, đất vườn (300m² đất ở, 1.783,09m² đất vườn) trị giá 146.069.950đồng.

- Đất nông nghiệp, gồm: Thửa số 22, tờ bản đồ số 9, diện tích 240m² (Đo thực tế là 246m², trong đó bao gồm cả 175m² đất chuyển nhượng cho chị Hà Thị H); thửa số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích 160m² đều có địa chỉ tại khu 04- xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ. Tổng cộng là 400m² trị giá 109.600.000đồng.

Tổng tài sản ông Nguyễn Hữu C được sở hữu, sử dụng trị giá là 301.922.950đồng.

Ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Hà Thị H 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

2. Giao cho anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật được sử dụng 416,61m² đất (100m² đất ở và 316, 61m² đất vườn) tại khu 04- xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ trị giá là 33.413.550đồng (Theo hình A, B, C, D trong sơ đồ kèm theo) và được sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 03 cây dâu da xoan đường kính gốc 10cm trị giá 363.000đồng, 01 cây xoan có đường kính gốc 05cm trị giá 5.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 33.781.550đồng.

3. Ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật số tiền là 14.169.750đ (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là trả lại quyền sử dụng 188,8m² đất nông nghiệp cho người quản lý hợp pháp là UBND xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ (Theo hình M,N,P,Q trong sơ đồ kèm theo).

5. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 12.696.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải chịu 2.397.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về di sản thừa kế:

- Quyền sử dụng đất ở, đất vườn: Thừa đất số 16, tờ bản đồ 16, diện tích $2.546m^2$ (Đo thực tế là $2.499,7m^2$, trong đó có $400m^2$ đất ở trị giá 64.000.000đ và $2099,7m^2$ đất vườn trị giá 115.483.500đ) tại khu 04, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đã được cấp giấy CNQSD đất số Q 4319311, ngày 18/11/1999 đứng tên chủ hộ sử dụng là Nguyễn Hữu V. Tổng trị giá 179.483.500đ.

- Tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 nhà gỗ năm gian lợp lá cọ, sáu hàng chân, xây bao xung quanh, nền láng xi măng, diện tích $105m^2$, trị giá 30.700.000đ; $68m^2$ sân láng xi măng trị giá 500.000đ; 01 bếp xây lợp ngói, nền lát gạch chỉ, diện tích $25m^2$, trị giá 5.000.000đ; 01 nhà tắm xây đổ mái bê tông, nền lát gạch men, trên mái có bể nước, diện tích $15m^2$, trị giá 4.000.000đ; 01 hàng rào sắt, kích thước 13, 23m x 0,8m, trị giá 1.600.000đ; 02 trụ cổng xây, kích thước mỗi trụ 0,4m x 0,4m x 2m trị giá 400.000đ; 05 cây dâu da xoan có đường kính gốc 10cm trị giá 605.000đ; 01 cây dâu da đất có đường kính gốc 15cm trị giá 182.000đ; 02 cây xoan đường kính gốc 05cm, trị giá 10.000đ; 03 cây xoan có đường kính gốc 20cm trị giá 36.000đ; 02 cây mơ có đường kính gốc 30cm trị giá 24.000đ; 01 cây cọ cao 10m, đường kính 40cm, trị giá 73.000đ; 15 cây cau đã cho thu hoạch trị giá 2.730.000đ; 10 cây diên đã thu hoạch được trị giá 120.000đ; 01 cây hồng xiêm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa đào có đường kính 15cm trị giá 121.000đ; 01 cây bồ quân có đường kính 15cm trị giá 10.000đ; 02 cây mít có đường kính 20cm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa ngâu có đường kính 10cm trị giá 12.000đ; 01 cây kháo có đường kính 20cm, trị giá 12.000đ. Tổng trị giá: 45.883.999đồng. Tổng trị giá: 46.621.000đồng.

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp: Thừa số 22, tờ bản đồ số 9, diện tích $240m^2$ (Đo thực tế là $246m^2$, trong đó bao gồm cả $175m^2$ đất chuyển nhượng cho chị Hà Thị H); thừa số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích $160m^2$; đều có địa chỉ tại: khu 04- xã V- huyện C- tỉnh Phú Thọ. Tổng cộng là $400m^2$, trị giá 109.600.000đồng ($274.000đồng/1m^2$).

Tổng trị giá di sản là 335.704.500đ.

- Nghĩa vụ tài sản do cụ Hoàng Thị N để lại: Chị Hà Thị H tự nguyện trả lại QSD $175m^2$ đất nông nghiệp đã nhận chuyển nhượng từ cụ N, nên cần xác định

48.000.000đồng mà cụ N đã nhận của chị H là nghĩa vụ tài sản do cụ Hoàng Thị N để lại.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, di sản có tổng giá trị là 287.704.500đ.

Do vậy, mỗi người thừa kế được hưởng phần di sản trị giá 47.950.750đ.

Về lời trình bày và yêu cầu của các đương sự:

- Đất ở, đất vườn có thể chia được, nên cần chia đều cho những người thừa kế, cụ thể: mỗi người thừa kế được hưởng 416,61 m². Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc sử dụng đất, cần giao cho anh T, chị D sử dụng 416,61m² đất (100m² đất ở, 316,61m² đất vườn) trị giá 33.413.550đồng (Theo hình A,B,C,D trong sơ đồ kèm theo) và sở hữu các tài sản có trên đất gồm 03 cây dâu da xoan đường kính gốc 10cm trị giá 363.000đồng, 01 cây xoan có đường kính gốc 05cm trị giá 5.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 33.781.550 đồng. Phần đất còn lại là 2.083,09m² (300m² đất ở, 1.783,09m² đất vườn) ông Nguyễn Hữu C và các bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Thị V được hưởng. Do các bà M, Ch, Q, V đều đề nghị giao phần thừa kế của họ cho ông C, nên ông C được sử dụng 2.083,09m² (300m² đất ở, 1.783,09m² đất vườn) trị giá 146.069.950đồng.

- Đất nông nghiệp: Nếu chia bằng hiện vật thì đất nông nghiệp bị chia manh mún, giảm giá trị sử dụng. Đồng thời, kể từ khi các cụ V, N chết cho đến nay, ông C là người quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, nên cần giao cho ông C sử dụng toàn bộ đất nông nghiệp và ông C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho những người thừa kế khác. Tính theo giá trị đất nông nghiệp, mỗi người thừa kế được hưởng 18.266.6666đ (Làm tròn số là 18.266.267đ).

- Đối với tài sản có trên đất: Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy bà Tạ Thị H, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D đã xây nhà ở riêng tại khu 03- xã V. Toàn bộ di sản do cụ Nguyễn Hữu V, Hoàng Thị N để lại được những người con của các cụ V, N thống nhất giao lại cho ông Nguyễn Hữu C trông nom, quản lý, trong đó ngôi nhà được ông C sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên từ năm 2008 đến nay. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và thuận tiện trong việc quản lý, sử dụng tài sản, cần giao nhà, các công trình kiến trúc khác và cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Hữu C sở hữu. Ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho những người thừa kế khác.

- Đối với phần công sức của vợ chồng bà Tạ Thị H trong việc tạo dựng, sửa chữa nhà, công trình kiến trúc khác của các cụ V, N và công sức của ông C trong việc quản lý, bảo vệ di sản: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 188,8m² đất nông nghiệp thuộc quyền quản lý của UBND xã V, mà các cụ V, N mượn sử dụng: Các đương sự đều thống nhất trả lại cho người quản lý hợp pháp, cần công nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 610; Điều 613; Các khoản 1, 2, 3 Điều 615; Điều 649; Điểm b khoản 1 Điều 650; Khoản 1 Điều 651; Điều 652; Khoản 2 điều 660 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Giao cho ông Nguyễn Hữu C được sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà gỗ năm gian lợp lá cọ, sáu hàng chân, xây bao xung quanh, nền lán xi măng, diện tích $105m^2$ trị giá 30.700.000đ; $68m^2$ sân lán xi măng trị giá 500.000đ; 01 bếp xây lợp ngói, nền lát gạch chỉ, diện tích $25m^2$, trị giá 5.000.000đ; 01 nhà tắm xây đổ mái bê tông, nền lát gạch men, trên mái có bể nước, diện tích $15m^2$, trị giá 4.000.000đ; 01 hàng rào sắt, kích thước 13, 23m x 0,8m, trị giá 1.600.000đ; 02 trụ cổng xây, kích thước mỗi trụ 0,4m x 0,4m x 2m trị giá 400.000đ; 02 cây dâu da xoan có đường kính gốc 10cm trị giá 242.000đ; 01 cây dâu da đất có đường kính gốc 15cm trị giá 182.000đ; 01 cây xoan đường kính gốc 5cm trị giá 5.000đ; 03 cây xoan có đường kính gốc 20cm trị giá 36.000đ; 02 cây mơ có đường kính gốc 30cm trị giá 24.000đ; 01 cây cọ cao 10m, đường kính 40cm, trị giá 73.000đ; 15 cây cau đã cho thu hoạch trị giá 2.730.000đ; 10 cây diên đã thu hoạch được trị giá 120.000đ; 01 cây hồng xiêm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa đào có đường kính 15cm trị giá 121.000đ; 01 cây bồ quân có đường kính 15cm trị giá 10.000đ; 02 cây mít có đường kính 20cm trị giá 243.000đ; 01 cây hoa ngâu có đường kính 10cm trị giá 12.000đ; 01 cây kháo có đường kính 20cm, trị giá 12.000đ. Tổng trị giá: 46.253.000đồng.

Giao cho ông Nguyễn Hữu C quản lý, sử dụng:

- 2.083,09m² đất ở, đất vườn (300m² đất ở, 1.783,09m² đất vườn) trị giá 146.069.950đồng.

- Đất nông nghiệp, gồm: Thửa số 22, tờ bản đồ số 9, diện tích 240m² (Đo thực tế là 246m², trong đó bao gồm cả 175m² đất chuyển nhượng cho chị Hà Thị H); thửa số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích 160m² đều có địa chỉ tại khu 04- xã V - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Tổng cộng là 400m² trị giá 109.600.000đồng.

Tổng tài sản ông Nguyễn Hữu C được sở hữu, sử dụng trị giá là 301.922.950đồng.

Ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Hà Thị H 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

2. Giao cho anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật được sử dụng 416,61m² đất (100m² đất ở và 316, 61m² đất vườn) tại khu 04- xã V - huyện - tỉnh Phú Thọ trị giá là 33.413.550đồng (Theo

hình A, B, C, D trong sơ đồ kèm theo) và được sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 03 cây dâu da xoan đường kính gốc 10cm trị giá 363.000đồng, 01 cây xoan có đường kính gốc 05cm trị giá 5.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 33.781.550đồng.

3. Ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật số tiền là 14.169.750đ (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là trả lại quyền sử dụng 188,8m² đất nông nghiệp cho người quản lý hợp pháp là UBND xã V - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Theo hình M,N,P,Q trong sơ đồ kèm theo).

5. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 12.696.147đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004270, ngày 01/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông C còn phải nộp tiếp 12.496.147đ, làm tròn là 12.496.000đ (Mười hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thùy D do bà Tạ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải chịu 2.397.537đ, làm tròn là 2.397.000đ (Hai triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện,tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng